



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 66

Ngày 15 tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 95/2024/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025	4
------------	--	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 386/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường từ Quảng Trường - Trung tâm xã Hua La, thành phố Sơn La	7
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 387/NQ-HĐND về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Sơn La trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021-2025	9
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 388/NQ-HĐND về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư 02 dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Sơn La	10

29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 389/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện Quỳnh Nhai	12
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 390/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh ủy	14
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 391/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất diêm tái định cư Tèn Pá Hu, bản Ta Mạ, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu	17
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 392/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về trung tâm thành phố Sơn La	19
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 393/NQ-HĐND về việc phân bổ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh từ nguồn Ngân sách trung ương và các tỉnh hỗ trợ năm 2024	21
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 394/NQ-HĐND về quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Sơn La	23
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 395/NQ-HĐND về việc phê duyệt thu hồi, bổ sung, điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023, 2024 (Lần 2)	25
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 396/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại mục 1, 2 phần V, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	32
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 397/NQ-HĐND về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	37

29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 398/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh (đợt 17)	39
29/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 399/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh	68

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 95/2024/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2014/TTLT-BLĐTĐ-BYT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Xét Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 858/BC-VHXXH ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.1, khoản 2, mục IV như sau: “2.1. Hỗ trợ trực 24/24 giờ đối với viên chức, người lao động trực lãnh đạo, bảo vệ tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh: Cơ sở xếp hạng I: ngoài định mức nhân lực trong phiên trực theo Thông tư liên tịch số 10/2014/TTLT-BLĐTĐ-BYT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2014: 24 người/phiên trực, được bổ sung thêm định mức nhân lực: 46 người/phiên trực (tối đa không quá 70 người/phiên trực). Mức hỗ trợ: 90.000đồng/người/phiên trực”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 9, mục IV như sau:

a) Sửa đổi tên khoản 9, mục IV: “9. Chính sách hỗ trợ cho các cá nhân, đơn vị thực hiện Chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm 9.3, khoản 9, mục IV: “9.3 Hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, người làm việc tại các cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone và các cơ sở cấp phát thuốc Methadone trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, mục V như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 1, mục V: “1. Hỗ trợ kinh phí đối với xã, phường, thị trấn; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn không có ma túy theo Quyết định công nhận của UBND tỉnh”.

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, mục V: “Đối với bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố. Mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/lần/bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, mục V như sau: “4. Chi hỗ trợ kinh phí cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao nhiệm vụ đưa cá

nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện đi xác định tình trạng nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở y tế (trong thời gian thực hiện nhiệm vụ) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 60/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

5. Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 2, điểm 2.1, khoản 2, mục IV: “Cơ sở xếp hạng IV hoặc chưa xếp hạng: Định mức nhân lực trực áp dụng theo khoản 4, điều 1, Thông tư liên tịch số 10/2014/TTLT-BLĐTĐ-BYT-BCA ngày 26 tháng 02 năm 2014. Mức hỗ trợ 50.000 đồng/người/phiên trực”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 386/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tuyến đường
từ Quảng trường - trung tâm xã Hua La, thành phố Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Quyết định số
1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 23 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tuyến đường từ Quảng trường - trung tâm xã Hua La, thành phố Sơn La, như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư tại Nghị quyết số 257/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh:

- Bổ sung thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng và làm mới mương đất có chiều dài khoảng 252 m tại vị trí hạ lưu cống hộp thoát nước (4 x 4)m dẫn đến suối Nậm La thuộc bản Pọng, xã Hua La.

- Thực hiện cắt cơ, giảm tải, hót sứt những điểm sạt trượt, xử lý kỹ thuật nền đường đầy trời tại điểm sạt trượt và bổ sung phạm vi giải phóng mặt bằng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

2. Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh: Đến hết năm 2025.

3. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Năm	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng	Ghi chú
1	2021 - 2024	140.000	60.000	200.000	
2	2024 - 2025		32.000	32.000	
Tổng		140.000	92.000	232.000	

Trong đó: Ngân sách địa phương gồm nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh 60.000 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất 32.000 triệu đồng.

4. Các nội dung khác

Không điều chỉnh, thực hiện theo Phụ lục số 14 kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Nghị quyết số 257/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thái Hưng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 387/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án bổ sung cơ sở vật chất
cho Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Sơn La
trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số
99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024; Báo cáo thẩm
tra số 911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách
HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Sơn La trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 - 2025 (theo Phụ lục số 14 kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo xử lý các vấn đề có liên quan đến việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật, tránh để xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 388/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư 02 dự án
Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số
99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý,
thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 15 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dừng thực hiện chủ trương đầu tư 02 dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, sạt lở đất đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, gồm:

1. Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Huổi Nạ, xã Hua Trai, huyện Mường La tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021.

2. Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng nguy cơ gây trượt, sạt lở đất đá tại bản Ngâm, xã Song Pe, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo xử lý các vấn đề có liên quan đến việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư các dự án theo đúng quy định của pháp luật, tránh để xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 389/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà thi đấu đa
năng trung tâm huyện Quỳnh Nhai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 20 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện Quỳnh Nhai với nội dung sau:

1. Tên dự án: Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện Quỳnh Nhai.

2. Mục tiêu đầu tư

Nhằm góp phần phát triển phong trào thể dục thể thao, bồi dưỡng và phát huy yếu tố con người, tăng cường thể lực, nâng cao tầm vóc và giáo dục nhân cách, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển toàn diện con người, làm phong phú đời sống tinh thần cho các tầng lớp nhân dân trong toàn huyện. Đồng thời đáp ứng tiêu chí về văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; đảm bảo hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Quỳnh Nhai đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.

3. Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng mới 01 nhà đa năng 01 tầng với diện tích xây dựng khoảng 1.525 m², diện tích sàn khoảng 1.452 m²; quy mô 220 chỗ ngồi, sân khấu, 04 sân cầu lông, 02 sân bóng bàn, 01 phòng tập gym + thể hình, 01 phòng tập thẩm mỹ, 01 kho chứa trang thiết bị thể thao, 01 phòng quản lý, 02 nhà WC, 01 phòng thay đồ nam nữ, 02 phòng chờ diễn 2 bên cánh gà của sân khấu; san nền và các hạng mục phụ trợ khác.

4. Dự án nhóm: Dự án nhóm C

5. Tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 21.000 triệu đồng.

6. Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Ghi chú
Năm 2024 - 2025	21.000	
Tổng	21.000	

7. Địa điểm thực hiện dự án: Trung tâm huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 - 2025.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2024: Chuẩn bị dự án, thực hiện dự án.

- Năm 2025: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 390/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo,
xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh uỷ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 23 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh uỷ với các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư

Cụ thể hoá Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đến năm 2045 và Quy hoạch phân khu xây dựng đô thị lịch sử, thành phố Sơn La. Hình thành khu công trình hợp khối, có kiểu dáng kiến trúc đẹp, hài hoà với cảnh quan xung quanh, đảm bảo tính trang nghiêm, xứng tầm với vị thế cơ quan của tỉnh; có mối liên hệ không thể tách rời với cụm các công trình Trụ sở tập trung các cơ quan hành chính tỉnh, Tượng đài Bác Hồ, Quảng trường Tây Bắc và khu di tích Quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La; là điểm nhấn kiến trúc cảnh quan đô thị quan trọng của tỉnh; Dự án Cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khu vực Tỉnh uỷ đáp ứng yêu cầu về công năng làm việc của từng đơn vị, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý điều hành, liên hệ, giải quyết công việc.

2. Quy mô đầu tư

a) Phá dỡ

- Nhà làm việc Ban Tổ chức, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, diện tích sàn khoảng 2.007 m²;
- Nhà ăn, nhà khách Tỉnh ủy (số 4), diện tích sàn khoảng 1.324 m²;
- Nhà làm việc của Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ban Nội chính Tỉnh ủy, diện tích sàn khoảng 2.916 m²;
- Nhà xe phía sau nhà ăn, nhà khách Tỉnh ủy, diện tích sàn khoảng 160 m²;
- Sân, đường, bồn hoa, cây xanh, cảnh quan, hệ thống hạ tầng ngoài nhà, diện tích khoảng 18.475 m²;
- 02 Nhà khách đặc biệt, diện tích sàn khoảng 584 m² (nằm giữa vị trí dự kiến xây dựng toà nhà làm việc mới của Tỉnh ủy).

b) Nâng cấp, cải tạo

- Cải tạo nhà làm việc Thường trực Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy (3 tầng) thành Nhà ăn, nhà khách, nhà công vụ, diện tích sàn khoảng 2.530 m².
- Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: Sân, đường nội bộ, cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng... diện tích khoảng 11.296 m².

c) Xây mới

- Nhà làm việc 07 tầng nổi và 01 tầng ngầm (*Thường trực Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban Đảng Tỉnh ủy*), diện tích sàn dự kiến khoảng 5.985 m².
- Nhà ăn 01 tầng cạnh trung tâm hội nghị tỉnh, diện tích xây dựng khoảng 750 m²;
- Trang thiết bị cho khu bếp, nhà ăn...;
- Hệ thống sân vườn, kiến trúc cảnh quan, diện tích khoảng 9.795 m²;
- Thác nước cảnh quan, diện tích khoảng 550 m²;
- Bãi đỗ xe, diện tích khoảng 2.725 m²;
- Một số hạng mục phụ trợ khác.

d) Máy móc, trang thiết bị

- Trang thiết bị văn phòng phục vụ yêu cầu làm việc của cán bộ: bàn ghế văn phòng, tủ hồ sơ, bàn ghế tiếp khách, bàn họp và các thiết bị văn phòng khác... Hệ thống máy tính, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điều hoà, hệ thống phòng cháy chữa cháy và hệ thống đảm bảo an ninh.
- Trang thiết bị cho phòng họp: hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, màn chiếu, bảng các thiết bị điện tử, nội thất phòng họp...;
- Trang trí nội thất các phòng làm việc, phòng họp, phòng khách, sảnh...;

- Trang thiết bị cho khu bếp, nhà ăn....

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 293.909 Triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn:

DVT: triệu đồng

Năm	Ngân sách tỉnh		
	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Tổng cộng
2024 - 2025	156.619		156.619
2026 - 2027		137.290	137.290
Tổng	156.619	137.290	293.909

6. Địa điểm thực hiện dự án: phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 - 2027.

- Năm 2024 - 2025: Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư (*lập chủ trương đầu tư; tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc; lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng*) và thực hiện dự án.

- Năm 2026 - 2027: Thực hiện việc đầu tư cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh uỷ theo quy mô được duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 391/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án bố trí,
sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất diêm tái định cư
Tèn Pá Hu, bản Ta Mạ, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Quyết định số
1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 18 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất diêm tái định cư Tèn Pá Hu, bản Ta Mạ, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu, như sau:

1. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh

- San nền nhà cho 34 hộ dân với diện tích mỗi nền trung bình từ 250 m² ÷ 300 m²/hộ và 01 nền Nhà văn hoá.

- Đường nội bộ chiều dài khoảng L = 1,4 km (tiêu chuẩn đường GTNT cấp C theo TCVN 10380:2014).

- Đường vào điểm chiều dài khoảng L = 1,3 km (tiêu chuẩn đường GTNT cấp B theo TCVN 10380:2014).

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 34 hộ dân, 01 Nhà văn hoá.
 - Hệ thống điện: Xây dựng mới 01 TBA 75kVA - 35/0.4kV, tuyến đường dây 35kV, đường dây hạ thế 0,4kV cấp điện cho 34 hộ dân và 01 nhà văn hóa; công tơ điện và các phụ kiện kèm theo.
 - Bổ sung hệ thống thu gom và xử lý nước thải để bảo vệ môi trường.
 - Xây dựng 01 Nhà văn hoá 120 m² và các hạng mục phụ trợ.
 - Các hạng mục phụ trợ khác.
2. Thời gian, tiến độ thực hiện sau điều chỉnh
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.
 - Tiến độ thực hiện dự án:
 - + Năm 2023 - 2024: Chuẩn bị dự án, thực hiện dự án.
 - + Năm 2024 - 2025: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án.

3. Các nội dung khác

Không điều chỉnh, thực hiện theo Phụ lục số 03 kèm theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 392/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án
Thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về trung tâm thành phố Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Quyết định số
1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 16 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Thoát lũ khu vực
Chiềng Sinh về trung tâm thành phố Sơn La, như sau:

1. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh

Xây dựng hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng cho thành phố Sơn La và kết
nối hạ tầng kỹ thuật (đoạn từ trung tâm thương mại Đ&T đến khu đô thị An Phú).
Tổng chiều dài tuyến dự kiến khoảng 1,7 km; đường quản lý vận hành, cầu dân
sinh và các công trình trên tuyến.

2. Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh: Đến hết năm 2025.

3. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng cộng
2023 - 2024	27.551	27.551
2024 - 2025	52.231	52.231
Tổng	79.782	79.782

4. Các nội dung khác

Không điều chỉnh, thực hiện theo Phụ lục số 02, Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thái Hưng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 393/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai gây ra trên
địa bàn tỉnh từ nguồn Ngân sách trung ương và các tỉnh hỗ trợ năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng
12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân
sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1104/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ về hỗ trợ khẩn cấp khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 cho các
tỉnh: Sơn La, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Phú Thọ;*

*Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của
UBND tỉnh Nghệ An về hỗ trợ 09 tỉnh phía Bắc khắc phục thiệt hại do bão số 3 gây
ra; Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh
Quảng Ngãi về hỗ trợ UBND các tỉnh, thành phố phía Bắc kinh phí để hỗ trợ Nhân
dân khắc phục hậu quả bão số 3; Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9
năm 2024 của UBND Thành phố Đà Nẵng về hỗ trợ ngân sách tỉnh Sơn La để
khắc phục hậu quả thiên tai;*

*Xét Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024, Báo cáo số
550/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế ngân sách - HĐND
tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai gây ra trên địa bàn
tỉnh từ nguồn ngân sách trung ương và các tỉnh hỗ trợ năm 2024, số tiền **31.500
triệu đồng** (Ba mươi một tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Hỗ trợ cho ngân sách Thành phố Sơn La, số tiền: 10.000 triệu đồng, để khắc phục sạt lở ổn định cho các hộ dân bản Tông Panh, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La theo Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ cho ngân sách huyện Sông Mã, số tiền: 21.500 triệu đồng, để bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai khẩn cấp, cấp bách do ảnh hưởng của cơn bão số 3 bản Nà Mện, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã (theo Quyết định số 1104/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ: 20.000 triệu đồng; các tỉnh hỗ trợ 1.500 triệu đồng tại Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Nghệ An: 500 triệu đồng, Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: 500 triệu đồng, Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của UBND Thành phố Đà Nẵng: 500 triệu đồng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 394/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá
thuê đất hằng năm trên địa bàn tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2024, Báo cáo số 543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hằng năm trên địa bàn tỉnh Sơn La đối với các mục đích sử dụng đất tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024 (thực hiện theo quy định tại tiết a khoản 1, Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất), như sau:

1. Đất thuộc các phường, thị trấn của thành phố Sơn La, các huyện Mộc Châu, Mai Sơn, Phù Yên: 2,5%.

2. Đất thuộc các xã, thị trấn Khu vực I theo quyết định phân cấp khu vực hiện hành của cấp có thẩm quyền (trừ quy định tại Khoản 1 Điều này): 2,0%.

3. Đất thuộc các xã Khu vực II, III theo quyết định phân cấp khu vực hiện hành của cấp có thẩm quyền (trừ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này): 0,5%.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Việc phân loại khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 395/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt thu hồi, bổ sung, điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023, 2024 (lần 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về phê chuẩn phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung cân đối ngân sách cho huyện, thành phố năm 2023; Nghị quyết số

260/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về phê chuẩn phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung cân đối ngân sách cho huyện, thành phố năm 2024;

Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La; Báo cáo thẩm tra số 681/BC-DT ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt thu hồi, bổ sung, điều chỉnh dự toán kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023, 2024 (Lần 2) đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh, số tiền **110.459.662.000 đồng**.

Cụ thể:

1. Phê duyệt thu hồi, bổ sung dự toán vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023, 2024, số tiền **18.046.662.000 đồng**.

Cụ thể:

a) Thu hồi về ngân sách tỉnh dự toán kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023, 2024 của Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, số tiền **18.046.662.000 đồng**.

b) Phê duyệt bổ sung dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 cho 02 huyện Quỳnh Nhai và Mường La từ nguồn kinh phí thu hồi tại điểm a, khoản 1, điều 1, số tiền **18.046.662.000 đồng**, để thực hiện Dự án 4 - Tiểu dự án 1.

(Chi tiết tại Biểu số 01,02 kèm theo)

2. Phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023, 2024, trong nội bộ các huyện, số tiền 92.413.000.000 đồng.

Cụ thể:

- Năm 2022: 3.329.000.000 đồng
- Năm 2023: 13.820.000.000 đồng
- Năm 2024: 75.264.000.000 đồng

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)

3. Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01**PHÊ DUYỆT THU HỒI DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP HỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THIỀU SỔ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022, 2023, 2024***(Kèm theo Nghị quyết số 395/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó		Ghi chú
			Dự án 5 - Tiểu dự án 2	Dự án 7	
	Tổng cộng	18.046,662	14.116,000	3.930,662	
1	Sở Y tế	3.930,662	-	3.930,662	
-	Năm 2022 ¹	167,400		167,400	
-	Năm 2023 ²	743,262		743,262	
-	Năm 2024 ³	3.020,000		3.020,000	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	14.116,000	14.116,000	-	
-	Năm 2024	14.116,000	14.116,000		

Ghi chú:

(1) Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh : Sở Tài chính thực hiện hạch toán chuyển nguồn sang năm 2024 tại Công văn số 880/STC-QLNS ngày 20/3/2024.

(2) Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND tỉnh: Sở Tài chính thực hiện hạch toán chuyển nguồn sang năm 2024 tại Công văn số 880/STC-QLNS ngày 20/3/2024.

(3) Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh

Biểu số 02
PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 4 - TIỂU DỰ ÁN 1, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 395/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện	Tổng cộng	Ghi chú
	Tổng cộng	18.046,662	
1	Huyện Mường La	14.116,000	
-	Năm 2024	14.116,000	
2	Huyện Quỳnh Nhai	3.930,662	
-	Năm 2022	167,400	
-	Năm 2023	743,262	
-	Năm 2024	3.020,000	

Biểu số 03

**PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022, 2023, 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 395/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Trong đó			Dự toán điều chỉnh						Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó			Dự án 4 - Tiểu Dự án 1	Dự án 4 - Tiểu Dự án 1	
			Dự án 1 - Nước sinh hoạt phân tán	Dự án 3		Dự án 9 - Tiểu dự án 1	Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự án 1 - Nước sinh hoạt phân tán dự án 1	Dự án 3				
				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Dự án 1 - Nước sinh hoạt phân tán	Dự án 3 - Tiểu dự án 1	Dự án 9 - Tiểu dự án 1	Tổng cộng	Dự án 3 - Tiểu dự án 2			Dự án 4 - Tiểu Dự án 1	Sự nghiệp kinh tế			Sự nghiệp kinh tế
			Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế và gia đình									Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp kinh tế		
	Tổng cộng	96.214	9.533	75.227	3.681	7.773	92.413	9.413	75.227	7.773	92.413	9.376	83.037	120	-	13.057	83.037	
I	Năm 2022	4.285	-	3.329	956	-	3.329	-	3.329	-	3.329	3.329	-	-	-	4.285	-	
	Huyện Quỳnh Nhai	4.285		3.329	956		3.329		3.329		3.329	3.329			-	4.285		
II	Năm 2023	16.545	-	6.047	2.725	7.773	13.820	-	6.047	7.773	13.820	6.047	7.773	-	-	8.772	7.773	
	Huyện Quỳnh Nhai	16.545		6.047	2.725	7.773	13.820		6.047	7.773	13.820	6.047	7.773		-	8.772	7.773	
III	Năm 2024	75.384	9.533	65.851			75.264	9.413	65.851	-	75.264	-	75.264	120	-	-	75.264	
1	Huyện Thuận Châu	16.348		16.348			16.348		16.348		16.348		16.348	-	-		16.348	
2	Huyện Mai Sơn	7.127		7.127			7.127		7.127		7.127		7.127	-	-		7.127	
3	Huyện Mộc Châu	4.490	795	3.695			4.490	795	3.695		4.490		4.490	-	-		4.490	
4	Huyện Phù Yên	9.462	6.740	2.722			9.462	6.740	2.722		9.462		9.462	-	-		9.462	

TT	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Trong đó			Dự toán điều chỉnh						Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó			Dự án 1 - Nước sinh hoạt phân tán dự án 1	Dự án 3	Dự án 4 - Tiểu dự án 1		
			Dự án 1 - Nước sinh hoạt phân tán	Dự án 3		Dự án 9 - Tiểu dự án 1	Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự án 1 - Nước sinh hoạt phân tán	Dự án 3 - Tiểu dự án 2	Dự án 4 - Tiểu dự án 1					
				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Dự án 1 - Nước sinh hoạt phân tán	Dự án 3 - Tiểu dự án 1	Dự án 9 - Tiểu dự án 1	Tổng cộng	Dự án 1 - Nước sinh hoạt phân tán								Dự án 3 - Tiểu dự án 2	Dự án 4 - Tiểu dự án 1
5	Huyện Bắc Yên	10.301	696	9.605			10.181	576	9.605			10.181			10.181	120	-		10.181	
6	Huyện Sốp Cộp	13.839	525	13.314			13.839	525	13.314			13.839			13.839	-	-		13.839	
7	Huyện Vân Hồ	13.817	777	13.040			13.817	777	13.040			13.817			13.817	-	-		13.817	

- (1) Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh: Các huyện thực hiện hạch toán chuyển nguồn sang năm 2024 theo quy định của Luật NSNN;
- (2) Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND tỉnh: Các huyện thực hiện hạch toán chuyển nguồn sang năm 2024 theo quy định của Luật NSNN;
- (3) Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 396/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại mục 1, 2 phần V, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHUYỂN ĐỀ THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 01 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số 537/BC-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại mục 1, 2 phần V của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La (có 01 Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục*(Kèm theo Nghị quyết số 396/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)*

STT	Dịch vụ
1	Dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ
1.1	<i>Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ</i>
1.1.1	Biên soạn và xuất bản Bản tin khoa học và công nghệ giấy và các ấn phẩm chuyên đề khoa học và công nghệ
1.1.2	Biên soạn và xuất bản bản tin khoa học và công nghệ điện tử (các bản tin phát hành điện tử khác)
1.1.3	Biên soạn tin tức khoa học và công nghệ trên Trang thông tin điện tử
1.2	<i>Xây dựng và vận hành sàn giao dịch công nghệ và thiết bị</i>
1.2.1	Xử lý và cập nhật thông tin công nghệ và thiết bị chào bán lên Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến
1.2.2	Xử lý và cập nhật thông tin công nghệ và thiết bị tìm mua lên Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến
1.2.3	Quản trị nội dung sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến
1.2.4	Tổ chức hoạt động giao dịch công nghệ và thiết bị trực tiếp
1.3	<i>Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ</i>
1.3.1	Quản trị hệ thống mạng
1.3.2	Quản trị máy chủ
1.3.3	Quản trị các thiết bị công nghệ thông tin
1.3.4	Tổ chức phục vụ kỹ thuật họp trực tuyến
1.4	<i>Tổ chức triển lãm khoa học và công nghệ, hội chợ công nghệ và thiết bị</i>
1.4.1	Tổ chức triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ
1.4.2	Tổ chức hội chợ công nghệ và thiết bị (Techmart)

STT	Dịch vụ
1.5	<i>Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN, cổng thông tin khoa học và công nghệ</i>
1.5.1	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin khoa học và công nghệ
1.5.2	Vận hành và phát triển Cổng, trang thông tin khoa học và công nghệ
1.6	<i>Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ</i>
1.6.1	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu nhiệm vụ khoa học và công nghệ
1.6.1.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu nhiệm vụ đang tiến hành
1.6.1.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ
1.6.1.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ
1.6.2	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tổ chức khoa học và công nghệ
1.6.3	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ khoa học và công nghệ
2	Dịch vụ thống kê khoa học và công nghệ
2.1	<i>Điều tra thống kê khoa học và công nghệ</i>
2.2	<i>Hoạt động nghiệp vụ về thống kê khoa học và công nghệ (Báo cáo thống kê về khoa học và công nghệ)</i>
3	Dịch vụ thư viện khoa học và công nghệ
3.1	<i>Tra cứu và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ</i>
3.1.1	Tra cứu tài liệu điện tử
3.1.2	Tra cứu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ
3.1.3	Tra cứu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước
3.2	<i>Xử lý thông tin, cập nhật mục lục tài liệu khoa học và công nghệ</i>
3.2.1	Bổ sung nguồn tin khoa học và công nghệ (tài liệu giấy)
3.2.2	Bổ sung nguồn tin khoa học và công nghệ (tài liệu điện tử)

STT	Dịch vụ
3.2.3	Biên mục nguồn tin khoa học và công nghệ và cập nhật phân hệ biên mục tài liệu giấy
3.2.4	Biên mục nguồn tin khoa học và công nghệ và cập nhật phân hệ biên mục tài liệu điện tử
3.3	<i>Lưu giữ, bảo quản tài liệu khoa học và công nghệ</i>
3.3.1	Tiếp nhận, phân loại và xếp giá tài liệu khoa học công nghệ
3.3.2	Lưu giữ và bảo quản tài liệu khoa học và công nghệ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 397/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Bố trí sắp xếp dân cư
bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Quyết định số
1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy
hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 15 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát,
xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, như sau:

1. Các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư

1.1. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh

San ủi nền nhà (55 hộ, 01 nền nhà văn hoá); Hệ thống cấp nước sinh hoạt
(55 hộ, 01 nhà văn hoá); đường vào điểm (chiều dài khoảng 1,60 km thiết kế theo
tiêu chuẩn đường cấp B - GTNT - TCVN 10380:2014); đường nội bộ (chiều dài
khoảng 1,0 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp C - GTNT - TCVN 10380:2014);
Cấp điện sinh hoạt cho 55 hộ, 01 nhà văn hoá.

1.2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 26.900 triệu đồng.

1.3. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án sau điều chỉnh:

- Vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 13.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 6.000 triệu đồng.
- Vốn ngân sách huyện: 7.900 triệu đồng.

* Trong đó cơ cấu bố trí nguồn vốn năm 2024 - 2025:

- Ngân sách tỉnh: Nguồn thu tiền sử dụng đất 6.000 triệu đồng
- Ngân sách huyện: 3.600 triệu đồng.

1.4. Thời gian thực hiện sau điều chỉnh: Đến hết năm 2025.

2. Các nội dung khác

Không điều chỉnh, thực hiện theo Phụ lục số 16 kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 398/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh (đợt 17)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư nguồn Ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định
số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số
40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24
tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà
nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của
HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân
sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 21 ngày 10 tháng 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh (đợt 17), như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh

1.1. Tổng vốn điều chỉnh: **372.857 triệu đồng, trong đó:**

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 77.807 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 295.050 triệu đồng.

1.2. Phương án điều chỉnh

1.2.1. *Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh*

- Điều chỉnh giảm 77.807 triệu đồng. Cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm 37.807 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 02 dự án chậm độ điều chỉnh cơ cấu nguồn.

+ Điều chỉnh giảm 40.000 triệu đồng của dự án Bổ sung cơ sở vật chất cho trung tâm huấn luyện thể dục thể thao tỉnh Sơn La do dừng triển khai thực hiện.

- Số vốn điều chỉnh giảm: 77.807 triệu đồng phân bổ cho 39 dự án có tiến độ thực hiện tốt điều chỉnh cơ cấu nguồn.

1.2.2. *Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh*

a) *Điều chỉnh đối với các dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn: 77.807 triệu đồng*

- Điều chỉnh giảm 77.807 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 39 dự án đã được bố trí bằng nguồn vốn khác.

- Số vốn điều chỉnh giảm 77.807 triệu đồng:

+ Phân bổ 37.807 triệu đồng cho 02 dự án chậm tiến độ điều chỉnh cơ cấu nguồn sang sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh.

+ Để lại phân bổ chi tiết sau: 40.000 triệu đồng.

b) *Điều chỉnh để thực hiện hoàn trả vốn ứng trước: 217.243 triệu đồng*

- Điều chỉnh giảm 217.243 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 03 dự án hoàn thành hết nhu cầu sử dụng vốn và 01 dự án dự kiến không có khả năng hoàn thành giải ngân hết kế hoạch vốn giao.

- Số vốn điều chỉnh giảm 217.243 triệu đồng phân bổ thực hiện hoàn trả vốn ứng trước dự án Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 107 đoạn Km 0 - Km30.

(chi tiết tại Biểu số 01, 02, 02a, 02b kèm theo)

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

(chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)

2.1. Tổng vốn phân bổ: 185.190 triệu đồng.

2.2. Phương án phân bổ

Phân bổ chi tiết 185.190 triệu đồng thực hiện 02 dự án chuyển tiếp đẩy nhanh tiến độ và khởi công mới 03 dự án theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú		
					TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cán đối ngân sách tỉnh			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
	TỔNG SỐ			1.865.154	397.987	178.000	93.880	77.807	77.807	178.000	
I	Điều chỉnh giảm			185.000	178.000	178.000	93.880	77.807	0	100.193	
*	Dự án chậm tiến độ điều chỉnh cơ cấu nguồn			145.000	138.000	138.000	93.880	37.807	0	100.193	
1	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn nông trường Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2176 09/9/2021	95.000	88.000	88.000	54.279	20.000		68.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
			TMĐT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
2	Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2759 11/11/2021	50.000	50.000	50.000	39.602	17.807	32.193
*	Dự án dùng triển khai thực hiện			40.000	40.000	40.000	0	40.000	0
3	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Sơn La	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	15/NQ-HĐND 10/8/2021	40.000	40.000	40.000		40.000	
II	Điều chỉnh tăng			1.680.154	219.987	0	0	0	77.807
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			1.543.167	140.000	0	0	0	42.175
1	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn La	Sở Y tế	2832 01/11/2017	1.543.167	140.000				42.175

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh					Ghi chú		
					TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo					
*	Dự án đang triển khai thực hiện có nhu cầu bổ sung vốn			136.987	79.987	0	0	0	35.632	35.632		
1	Trụ sở Công an xã Tường Thượng, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2723 27/11/2023	3.700	2.200				1.000	1.000		
2	Trụ sở Công an xã Tường Tiến, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2722 27/11/2023	3.700	2.200				500	500		
3	Trụ sở Công an xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2721 27/11/2023	3.700	2.200				800	800		
4	Trụ sở làm việc Công an xã Suối Tọ, thuộc Công an huyện Phù Yên tỉnh Sơn La	Công an tỉnh	3315 24/12/2023	3.700	2.200				800	800		
5	Trụ sở Công an thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Công an tỉnh	2713 27/11/2023	3.700	2.200				700	700		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
			TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh				
6	Trụ sở Công an xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Công an tỉnh	2715 27/11/2023	3.700	2.200			800		
7	Trụ sở Công an xã Chiềng Muôn, huyện Mường La	Công an tỉnh	2716 27/11/2023	3.700	2.200			600		
8	Trụ sở Công an xã Phiêng Cồn, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2717 27/11/2023	3.700	2.200			700		
9	Trụ sở Công an xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2718 27/11/2023	3.700	2.200			700		
10	Trụ sở Công an xã Song Pe, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2719 27/11/2023	3.700	2.200			800		
11	Trụ sở Công an xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2736 27/11/2023	3.302	1.802			700		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
					TMĐT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	
12	Trụ sở Công an xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2737 27/11/2023	2.780	1.280			700	700
13	Trụ sở Công an xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2734 27/11/2023	2.917	1.417			700	700
14	Trụ sở Công an xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2740 27/11/2023	2.994	1.494			900	900
15	Trụ sở Công an xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2741 27/11/2023	3.646	2.146			700	700
16	Trụ sở Công an xã Mường Sai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2710 27/11/2023	3.972	2.472			1.600	1.600
17	Trụ sở Công an xã Mường Hung, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2711 27/11/2023	3.320	1.820			1.100	1.100

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
			TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh				
18	Trụ sở Công an xã Mường cai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2712 27/11/2023	3.763	2.263			1.600	1.600	
19	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khương, thuộc Công an huyện Sông Mã tỉnh Sơn La	Công an tỉnh	3050 08/12/2023	4.009	2.509			1.900	1.900	
20	Trụ sở Công an xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2725 27/11/2023	3.700	2.200			1.700	1.700	
21	Trụ sở Công an xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2727 27/11/2023	3.700	2.200			1.200	1.200	
22	Trụ sở Công an xã Chiềng Hắc, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2728 27/11/2023	3.700	2.200			1.200	1.200	
23	Trụ sở Công an xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2729 27/11/2023	3.700	2.200			1.200	1.200	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
			TMĐT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Tổng số	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành						
24	Trụ sở Công an xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2726 27/11/2023		3.700	2.200		1.000	1.000
25	Trụ sở Công an xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2730 27/11/2023		3.763	2.263		700	700
26	Trụ sở Công an xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2732 27/11/2023		3.124	1.624		500	500
27	Trụ sở Công an xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2793 28/11/2023		3.700	2.200		800	800
28	Trụ sở Công an xã Pá Lông, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2795 28/11/2023		3.700	2.200		1.100	1.100
29	Trụ sở Công an xã É tòng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2794 28/11/2023		3.700	2.200		900	900

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
			TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo					
30	Trụ sở Công an xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2792 28/12/2023	3.700	2.200			1.100	1.100	
31	Trụ sở Công an xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2797 27/11/2023	3.700	2.200			900	900	
32	Trụ sở Công an xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2796 28/11/2023	3.700	2.200			500	500	
33	Trụ sở Công an xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2789 28/11/2023	3.700	2.200			800	800	
34	Trụ sở Công an xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2790 28/11/2023	3.700	2.200			1.100	1.100	
35	Trụ sở Công an thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2788 28/11/2023	3.700	2.200			300	300	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
			TMĐT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành						
36	Trụ sở Công an xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2798 28/11/2023	3.700	2.200			1.300	1.300
37	Trụ sở Công an xã Phiêng Păn, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2747 27/11/2023	3.197	1.697			1.200	1.200
38	Trụ sở Công an xã Chiềng Ban huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2744 27/11/2023	3.700	2.200			832	832

Biểu số 02

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Phương án điều chỉnh				Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo			
	Tổng số	853.924	68.967	295.050	295.050	853.924
I	Điều chỉnh đối với dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn	419.946	43.620	77.807	77.807	419.946 Chi tiết biểu số 02a
II	Điều chỉnh đối với thực hiện thu hồi vốn ứng trước	433.978	25.347	217.243	217.243	433.978 Chi tiết biểu số 02b

Biểu số 02a

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU NGUỒN

(Kèm theo Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh					Ghi chú		
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh			
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Tổng số					Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	
												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
	TỔNG SỐ				1.825.154	357.987	419.946	43.620	77.807	419.946		
I	Điều chỉnh giảm				1.680.154	219.987	179.987	43.620	77.807	-	102.180	
*	Y tế, dân số và gia đình				1.543.167	140.000	100.000	43.620	42.175	-	57.825	
1	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn La	Sở Y tế	2832 01/11/2017		1.543.167	140.000	100.000	43.620	42.175		57.825	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú			
					TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh				
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		
*	An ninh, trật tự an toàn xã hội			136.987	79.987	79.987	0	35.632	0	44.355		
1	Trụ sở Công an xã Tường Thượng, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2723 27/11/2023	3.700	2.200	2.200		1.000		1.200		
2	Trụ sở Công an xã Tường Tiến, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2722 27/11/2023	3.700	2.200	2.200		500		1.700		
3	Trụ sở Công an xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2721 27/11/2023	3.700	2.200	2.200		800		1.400		
4	Trụ sở làm việc Công an xã Suối Tọ, thuộc Công an huyện Phù Yên tỉnh Sơn La	Công an tỉnh	3315 24/12/2023	3.700	2.200	2.200		800		1.400		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
TMDT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TP: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	Ghi chú
5	Trụ sở Công an thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Công an tỉnh	2713 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	700	1.500	
6	Trụ sở Công an xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Công an tỉnh	2715 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	800	1.400	
7	Trụ sở Công an xã Chiềng Muôn, huyện Mường La	Công an tỉnh	2716 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	600	1.600	
8	Trụ sở Công an xã Phiêng Côn, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2717 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	700	1.500	
9	Trụ sở Công an xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2718 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	700	1.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
					TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số		
10	Trụ sở Công an xã Song Pe, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	271927/11/2023	3.700	2.200	2.200	800	1.400	
11	Trụ sở Công an xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2736/27/11/2023	3.302	1.802	1.802	700	1.102	
12	Trụ sở Công an xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2737/27/11/2023	2.780	1.280	1.280	700	580	
13	Trụ sở Công an xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2734/27/11/2023	2.917	1.417	1.417	700	717	
14	Trụ sở Công an xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2740/27/11/2023	2.994	1.494	1.494	900	594	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú		
					TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh				
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành								
15	Trụ sở Công an xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2741 27/11/2023	3.646	2.146	2.146	2.146	700		1.446	
16	Trụ sở Công an xã Mường Sai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2710 27/11/2023	3.972	2.472	2.472	2.472	1.600		872	
17	Trụ sở Công an xã Mường Hung, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2711 27/11/2023	3.320	1.820	1.820	1.820	1.100		720	
18	Trụ sở Công an xã Mường cai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2712 27/11/2023	3.763	2.263	2.263	2.263	1.600		663	
19	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khương, thuộc Công an huyện Sông Mã tỉnh Sơn La	Công an tỉnh	3050 08/12/2023	4.009	2.509	2.509	2.509	1.900		609	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh				
20	Trụ sở Công an xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2725 27/11/2023	3.700	2.200	2.200		1.700		500
21	Trụ sở Công an xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2727 27/11/2023	3.700	2.200	2.200		1.200		1.000
22	Trụ sở Công an xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2728 27/11/2023	3.700	2.200	2.200		1.200		1.000
23	Trụ sở Công an xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2729 27/11/2023	3.700	2.200	2.200		1.200		1.000
24	Trụ sở Công an xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2726 27/11/2023	3.700	2.200	2.200		1.000		1.200

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TP: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Ghi chú
25	Trụ sở Công an xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2730 27/11/2023	3.763	2.263	2.263	700	1.563	
26	Trụ sở Công an xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	273227/11/2023	3.124	1.624	1.624	500	1.124	
27	Trụ sở Công an xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2793 28/11/2023	3.700	2.200	2.200	800	1.400	
28	Trụ sở Công an xã Pá Lông, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2795 28/11/2023	3.700	2.200	2.200	1.100	1.100	
29	Trụ sở Công an xã É tòng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2794 28/11/2023	3.700	2.200	2.200	900	1.300	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh				
30	Trụ sở Công an xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2792 28/12/2023	3.700	2.200	2.200	2.200	1.100	1.100	
31	Trụ sở Công an xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2797 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	2.200	900	1.300	
32	Trụ sở Công an xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2796 28/11/2023	3.700	2.200	2.200	2.200	500	1.700	
33	Trụ sở Công an xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2789 28/11/2023	3.700	2.200	2.200	2.200	800	1.400	
34	Trụ sở Công an xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2790 28/11/2023	3.700	2.200	2.200	2.200	1.100	1.100	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án	Phương án điều chỉnh					Ghi chú
				TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
35	Trụ sở Công an thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2788 28/11/2023	3.700	2.200	2.200	300	1.900	
36	Trụ sở Công an xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2798 28/11/2023	3.700	2.200	2.200	1.300	900	
37	Trụ sở Công an xã Phiêng Păn, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2747 27/11/2023	3.197	1.697	1.697	1.200	497	
38	Trụ sở Công an xã Chiềng Ban huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2744 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	832	1.368	
II	Điều chỉnh tăng			145.000	138.000	239.959	-	77.807	317.766
*	Giao thông			95.000	88.000	-	-	20.000	20.000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
					TMDT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			Điều chỉnh giảm
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh			TĐ: Kế hoạch đã giao	Tổng số		
1	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn nông trường Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2176 09/9/2021	95.000	88.000			20.000	20.000	
*	Cấp nước, thoát nước			50.000	50.000		0	0	17.807	
2	Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2759 11/11/2021	50.000	50.000			17.807	17.807	
*	Phân bổ chi tiết sau						239.959	40.000	279.959	

Biểu số 02b

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN THU HỒI VỐN ỨNG TRƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Phương án điều chỉnh				Ghi chú					
						TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh								Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao		
														TĐ: Kế hoạch đã giao	TĐ: Thu hồi vốn ứng trước
	Tổng số		6.219.037	2.003.471		433.978	25.347	217.243	433.978	217.243					
I	Điều chỉnh giảm		5.933.398	1.717.832		433.978	25.347	217.243	-	216.735					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh				
1	Hệ thống đường nội bộ TT hành chính huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	329 10/5/2016	77.583	77.583	14.822	10.722	4.100	10.722	
2	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia, tỉnh Sơn La	Sở Công thương	2634 30/10/2015	842.284	26.718	26.718	13.338	13.380	13.338	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo		TĐ: Thu hồi vốn ứng trước
3	Quảng trường Tây Bắc tỉnh Sơn La và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và Phát triển đô thị	3128 30/12/2016	75.531	75.531	2.438	1.287	1.151	1.287

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
			Số Quyết định ngày, năm ban hành	TMĐT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	TD: Thu hồi vốn ứng trước
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La		299 NQ-HĐND ngày 10/3/2024		4.938.000	1.538.000	390.000	191.388	
II	Điều chỉnh tăng				285.639	285.639	0	0	217.243
1	Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 107 đoạn Km 0 - Km30	Sở Giao thông vận tải	1077 10/5/2010; 1781 04/7/2014		285.639	285.639		217.243	217.243

Biểu số 03
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Ghi chú	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			
	Tổng số		252.042	214.990	252.042	185.190	185.190		
1	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) xã Chiềng Khay (bản Mùn), huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	2667 09/12/2023	183.242	154.090	183.242	137.290	137.290	
2	Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	1071 31/5/2021; 1336 18/6/2021	26.900	19.000	26.900	6.000	6.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguyên thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		
3	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, xây mới các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã Mường Giăng, huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	2198 21/10/2024		6.900	6.900	6.900	
4	Dự án Sân thể thao các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	2197 21/10/2024		14.000	14.000	14.000	
5	Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai			21.000	21.000	21.000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 399/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch
đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 24

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024; Báo cáo số
543/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
911/BC-KTNS ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn
ngân sách tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh

1.1. Tổng vốn điều chỉnh: **96.346** triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: **89.121** triệu đồng.
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: **6.900** triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: **325** triệu đồng.

1.2. Phương án điều chỉnh

a) Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

- Đề nghị điều chỉnh giảm: **89.121** triệu đồng, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm **3.022** triệu đồng kế hoạch vốn đối ứng ODA của 02 dự án không có khả năng hoàn thành giải ngân vốn giao chủ đầu tư đề nghị thu hồi.

+ Điều chỉnh giảm **86.099** triệu đồng kế hoạch vốn giao của 17 dự án không có khả năng hoàn thành giải ngân vốn giao chủ đầu tư đề nghị thu hồi.

- Số vốn điều chỉnh giảm **89.121** triệu đồng:

+ Phân bổ **43.489** triệu đồng cho 02 dự án thuộc lĩnh vực y tế chuyển tiếp phân đấu hoàn thành năm 2024.

+ Phân bổ **35.632** triệu đồng, 38 dự án đầu tư trụ sở công an xã đang triển khai thực hiện có nhu cầu bổ sung vốn và có khả năng hoàn thành giải ngân trong năm 2024.

+ Phân bổ **10.000** triệu đồng thực hiện khởi công mới 04 dự án đã đủ thủ tục đầu tư.

(chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

b) Nguồn thu xổ số kiến thiết

Điều chỉnh giảm **6.900** triệu đồng kế hoạch vốn giao của dự án Đầu tư xây dựng trường THPT Mai Sơn, huyện Mai Sơn do không có khả năng hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn giao chủ đầu tư đề nghị thu hồi; Số vốn điều chỉnh giảm 6.900 triệu đồng phân bổ cho 02 dự án đang triển khai thực hiện có nhu cầu bổ sung vốn và có khả năng hoàn thành giải ngân hết kế hoạch vốn giao.

(chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

c) Nguồn thu tiền sử dụng đất

Điều chỉnh giảm **325** triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 dự án hoàn thành hết nhu cầu sử dụng vốn; Số vốn điều chỉnh giảm **325** triệu đồng phân bổ cho dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn La đang triển khai thực hiện có nhu cầu bổ sung vốn.

(chi tiết tại biểu số 03 kèm theo)

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

2.1. Tổng vốn đề nghị phân bổ: **24.200 triệu** đồng.

2.2. Phương án phân bổ: Phân bổ chi tiết **24.200** triệu đồng cho 03 dự án sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh.

(chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 24 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 399/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024					Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ						
	Tổng số			3.171.665	2.307.303	2.196.003	2.399.611	205.889	24.801	-	181.088	89.121	89.121	205.889		
I	Điều chỉnh giảm			1.282.986	615.624	653.245	856.173	205.209	24.801			180.408	89.121	-	116.088	
I.1	Đối ứng thực hiện dự án ODA			518.808	100.146	185.000	204.050	23.319	2.269			21.050	3.022		20.297	
*	Y tế dân số và gia đình			267.987	85.646	185.000	204.050	21.819	1.069			20.750	2.722	-	19.097	
1	Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” Dự án thành phần tỉnh Sơn La	Sở Y tế	773 QĐ-UBND ngày 02/4/2019	267.987	85.646	185.000	204.050	21.819	1.069	5%		20.750	2.722		19.097	
*	Lĩnh vực khác			250.821	14.500			1.500	1.200			300	300	-	1.200	
2	Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Sơn La giai đoạn 2 (Great 2 Sơn La)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2487 28/11/2022	250.821	14.500			1.500	1.200	80%		300	300		1.200	
I.2	Thực hiện dự án			764.178	515.478	468.245	652.123	181.890	22.532			159.358	86.099		95.791	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024					Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ						
*	Quốc phòng			122.000	122.000	47.556	76.107	31.581	6.650		24.931	23.786		7.795		
1	Dự án mở mới tuyến đường kết nối cụm kho K4, Trung đội vận tải, tiểu đoàn bộ binh 1 với thao trường thành phố	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2761 11/11/2021	12.000	12.000	11.386	11.630	1.720	1.476	86%	244	243		1.477		
2	Dự án cải tạo, nâng cấp cụm kho vũ khí đạn (K4)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	121 30/5/2021	41.000	41.000	34.375	41.000	11.799	5.174	44%	6.625	6.625		5.174		
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng căn cứ hậu cần trong căn cứ hậu phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	240/QĐ-QK 21/02/2023	25.000	25.000		16.630	13.010			13.010	12.639		371		
4	Khu tập trung bí mật/Bộ CHQS tỉnh (CH - 02)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	240/QĐ-QK 21/02/2023	44.000	44.000	1.795	6.847	5.052			5.052	4.279		773		
*	Giao thông			189.548	189.548	88.569	151.932	59.803	7.768		52.035	24.265		35.538		
5	Nâng cấp tuyến đường từ xã Púng Bành, huyện Sốp Cộp - xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sốp Cộp	2701 05/11/2021	21.153	21.153	19.888	21.153	3.693	2.035	55%	1.658	1.265		2.428		
6	Dự án cầu cứng Nậm Lạnh - Nậm Ca (giai đoạn II), huyện Sốp Cộp	UBND huyện Sốp Cộp	2733 09/11/2021	60.000	60.000	55.500	60.000	22.000	3.082	14%	18.918	4.500		17.500		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
			Tổng số	TD: NST					Tổng số	Tỷ lệ					
7	Năng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn Nông trường Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2176 09/9/2021	95.000	95.000	13.181	60.279	23.610	2.652	11%	20.958	10.000	13.610		
8	Dự án xây dựng tuyến đường giao thông số 4 khu vực Quảng trường Tây Bắc, thành phố Sơn La	UBND thành phố	160 29/01/2024	13.395	13.395		10.500	10.500			10.500	8.500		2.000	
*	Công nghiệp, điện			59.500	59.500	41.116	59.500	19.780	1.396		18.384	5.000	14.780		
9	Di chuyển đường dây 110Kv, 35kV mạch kép đoạn Bệnh viện đa khoa Sơn La - TBA 110Kv	Sở Công Thương	2335 24/9/2021	59.500	59.500	41.116	59.500	19.780	1.396	7%	18.384	5.000		14.780	
*	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản			26.434	18.734	7.281	12.054	5.461	668		4.793	4.789	672		
10	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Cong, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1066 31/5/2021	7.184	7.184	6.599	6.763	852	668	78%	184	180		672	
11	Bố trí ổn định dân cư bản Huổi Nạ, xã Hua Trai, huyện Mường La	UBND huyện Mường La	2895 24/11/2021	19.250	11.550	682	5.291	4.609			4.609	4.609		-	
*	Y tế dân số và gia đình			265.798	24.798	245.341	265.700	20.800	-	-	20.800	6.359	-	14.441	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024					Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ						
12	Trạm Y tế xã Thôm Môn	UBND huyện Thuận Châu	2359 10/11/2022	4.000	4.000	3.543	3.902	800			800	359		441		
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	420 22/3/2023	261.798	20.798	241.798	261.798	20.000			20.000	6.000		14.000		
*	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			50.898	50.898	24.412	47.228	25.705	5.738		19.967	11.900	-	13.805		
14	Bổ sung cơ sở vật chất cho trường THPT Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	2367 10/11/2022	14.999	14.999	12.949	14.999	4.939	3.146		1.793	1.400		3.539		
15	Bổ sung cơ sở vật chất cho trường THPT Bình Thuận, huyện Thuận Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	2366 10/11/2022	14.999	14.999	10.900	14.999	4.099	2.592		1.507	500		3.599		
16	Bổ sung cơ sở vật chất cho trường THPT Tháo Nguyên, huyện Mộc Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	245 11/02/2022	20.900	20.900	563	17.230	16.667			16.667	10.000		6.667		
*	Cấp nước, thoát nước			50.000	50.000	13.970	39.602	18.760	312	0	18.448	10.000	-	8.760		
17	Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2759 11/11/2021	50.000	50.000	13.970	39.602	18.760	312	2%	18.448	10.000		8.760		
II	Điều chỉnh tăng			1.888.679	1.691.679	1.542.758	1.543.438	680			680		89.121	89.801		
*	Y tế dân số và gia đình			1.554.167	1.414.167	1.485.758	1.486.438	680			680		43.489	44.169		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: NST			Kế hoạch vốn giao	Kế hoạch vốn còn lại	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024	Tỷ lệ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
1	Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm y tế huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2576 25/9/2024	11.000	11.000	7.191	7.871	680	680				1.314	1.994	
2	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn La	Sở Y tế	2832 01/11/2017	1.543.167	1.403.167	1.478.567	1.478.567						42.175	42.175	
*	An ninh, trật tự và an toàn xã hội			136.987	79.987	57.000	57.000						35.632	35.632	
3	Trụ sở Công an xã Tường Thượng, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2723 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						1.000	1.000	
4	Trụ sở Công an xã Tường Tiến, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2722 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						500	500	
5	Trụ sở Công an xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2721 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						800	800	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Suối Tọ, thuộc Công an huyện Phù Yên tỉnh Sơn La	Công an tỉnh	3315 24/12/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						800	800	
7	Trụ sở Công an thị trấn Ít ong, huyện Mường La	Công an tỉnh	2713 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						700	700	
8	Trụ sở Công an xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Công an tỉnh	2715 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						800	800	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
9	Trụ sở Công an xã Chiềng Muôn, huyện Mường La	Công an tỉnh	2716 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						600	600	
10	Trụ sở Công an xã Phiềng Côn, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2717 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						700	700	
11	Trụ sở Công an xã Chiềng Sai, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2718 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						700	700	
12	Trụ sở Công an xã Song Pe, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2719 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						800	800	
13	Trụ sở Công an xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2736 27/11/2023	3.302	1.802	1.500	1.500						700	700	
14	Trụ sở Công an xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2737 27/11/2023	2.780	1.280	1.500	1.500						700	700	
15	Trụ sở Công an xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2734 27/11/2023	2.917	1.417	1.500	1.500						700	700	
16	Trụ sở Công an xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2740 27/11/2023	2.994	1.494	1.500	1.500						900	900	
17	Trụ sở Công an xã Chiềng Khưa, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2741 27/11/2023	3.646	2.146	1.500	1.500						700	700	
18	Trụ sở Công an xã Mường Sai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2710 27/11/2023	3.972	2.472	1.500	1.500						1.600	1.600	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
			Tổng số	TĐ: NST					Tổng số	Tỷ lệ					
19	Trụ sở Công an xã Mường Hung, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2711 27/11/2023	3.320	1.820	1.500	1.500						1.100	1.100	
20	Trụ sở Công an xã Mường cai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2712 27/11/2023	3.763	2.263	1.500	1.500						1.600	1.600	
21	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khương, thuộc Công an huyện Sông Mã tỉnh Sơn La	Công an tỉnh	3050 08/12/2023	4.009	2.509	1.500	1.500						1.900	1.900	
22	Trụ sở Công an xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2725 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						1.700	1.700	
23	Trụ sở Công an xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2727 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						1.200	1.200	
24	Trụ sở Công an xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2728 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						1.200	1.200	
25	Trụ sở Công an xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2729 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						1.200	1.200	
26	Trụ sở Công an xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2726 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						1.000	1.000	
27	Trụ sở Công an xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2730 27/11/2023	3.763	2.263	1.500	1.500						700	700	
28	Trụ sở Công an xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2732 27/11/2023	3.124	1.624	1.500	1.500						500	500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
29	Trụ sở Công an xã Phòng Lái, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2793 28/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					800	800		
30	Trụ sở Công an xã Pá Lông, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2795 28/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					1.100	1.100		
31	Trụ sở Công an xã É tòng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2794 28/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					900	900		
32	Trụ sở Công an xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2792 28/12/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					1.100	1.100		
33	Trụ sở Công an xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2797 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					900	900		
34	Trụ sở Công an xã Tổng Lạnh, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2796 28/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					500	500		
35	Trụ sở Công an xã Bon Phăng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2789 28/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					800	800		
36	Trụ sở Công an xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2790 28/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					1.100	1.100		
37	Trụ sở Công an thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2788 28/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					300	300		
38	Trụ sở Công an xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2798 28/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500					1.300	1.300		
39	Trụ sở Công an xã Phiềng Pản, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2747 27/11/2023	3.197	1.697	1.500	1.500					1.200	1.200		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
40	Trụ sở Công xã Chiềng Ban huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2744 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	1.500						832	832	
*	Quốc phòng			9.525	9.525	-	-	-	-	-	-	-	500	500	
42	Dự án Xây dựng nhà kiểm soát liên hợp cửa khẩu phụ Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	2018 26/9/2024	9.525	9.525								500	500	
*	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản			41.000	41.000								1.000	1.000	
43	Dự án khắc phục ngập úng bản Phiêng Nghè, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2137 12/10/2024	41.000	41.000								1.000	1.000	
*	Giao thông			147.000	147.000	-	-	-	-	-	-	-	8.500	8.500	
44	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Quốc Việt, thành phố Sơn La	UBND thành phố	2122 17/10/2024	17.000	17.000								3.000	3.000	
45	Dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngân (đoạn Km 2 + 327 ÷ Km 7 + 527), thành phố Sơn La	UBND thành phố	2180 18/10/2024	130.000	130.000								5.500	5.500	

Biểu số 02
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Nghị quyết số 399/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024			
			Tổng số	TĐ; NST	Tổng số				Tỷ lệ						
	Tổng số			45.269	45.269	8.839	30.787	21.511	5.572	0	15.939	6.900	6.900	21.511	
I	Điều chỉnh giảm			21.511	21.511	-	21.511	21.511	5.572	0	15.939	6.900	-	14.611	
*	Y tế dân số và gia đình			21.511	21.511	-	21.511	21.511	5.572	0	15.939	6.900	-	14.611	
1	Đầu tư xây dựng trường THPT Mai Sơn, huyện Mai Sơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	1933 28/9/2023	21.511	21.511		21.511	21.511	5.572	26%	15.939	6.900		14.611	
II	Điều chỉnh tăng			23.758	23.758	8.839	9.276	-	-	-	-	6.900	-	6.900	
*	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			13.758	13.758	4.250	4.676	-	-	-	-	3.795	-	3.795	
1	Bổ sung cơ sở vật chất cho trường THPT Bắc Yên, huyện Bắc Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	2931 04/12/2023	13.758	13.758	4.250	4.676					3.795		3.795	
*	Y tế dân số và gia đình			10.000	10.000	4.589	4.600	-	-	-	-	3.105	-	3.105	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: NST			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024	Tổng số	Tỷ lệ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
2	Dự án hoàn thiện cơ sở vật chất về y tế, đảm bảo tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	494 25/3/2024	10.000	10.000	4.589	4.600						3.105	3.105	

Biểu số 03
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 399/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng															
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả vốn NSTW)	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/10/2024	Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Tổng số	TB: NST										
	Tổng số			1.552.667	149.500	1.476.645	1.488.067	47.729	36.307	11.422	325	325	47.729		
I	Điều chỉnh giảm			9.500	9.500	6.698	9.500	4.109	1.307	2.802	325	-	-	3.784	
*	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước			9.500	9.500	6.698	9.500	4.109	1.307	2.802	325	-	-	3.784	
1	Trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND - UBND xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1089 31/5/2021	9.500	9.500	6.698	9.500	4.109	1.307	2.802	325			3.784	
II	Điều chỉnh tăng			1.543.167	140.000	1.469.947	1.478.567	43.620	35.000	8.620	-	325	43.945		
*	Y tế dân số và gia đình			1.543.167	140.000	1.469.947	1.478.567	43.620	35.000	8.620	-	325	43.945		
1	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn La	Sở Y tế	2832 01/11/2017	1.543.167	140.000	1.469.947	1.478.567	43.620	35.000	8.620		325	43.945		

Đơn vị tính: Triệu đồng

Biểu số 04
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 399/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Luỹ kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Luỹ kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Nhu cầu bổ sung kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	TĐ: Đã giao đến ngày 15/10/2024			
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh							
	Tổng số			1.144.950	547.883	671.717	679.436	456.445	7.500	1	24.200	
*	Giao thông			1.144.950	547.883	671.717	679.436	456.445	7.500	37.500	24.200	
1	Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu vườn đào thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Cường xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	UBND huyện Mộc Châu	2508 24/11/2023	44.950	44.950	16.000	23.719	26.230	5.000	12.500	8.070	
2	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	271 NQ-HĐND ngày 29/4/2021	600.000	330.000	342.718	342.718	257.282	2.500	10.000	6.450	
3	Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	271 NQ-HĐND ngày 29/4/2021; 16 NQ-HĐND ngày 10/8/2021	500.000	172.933	312.999	312.999	172.933		15.000	9.680	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com